

# XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Thái Văn Thành<sup>1,+</sup>,  
Đậu Anh Tuấn<sup>1</sup>,  
Trần Thế Lưu<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An;  
<sup>2</sup>Trường Đại học Sài Gòn  
+Tác giả liên hệ • Email: thanhtv@nghean.edu.vn

## Article history

Received: 01/3/2023

Accepted: 20/3/2023

Published: 20/4/2023

## Keywords

Development,  
implementation, quality  
assurance model, general  
education

## ABSTRACT

Quality assurance in general education institutions is of great significance in improving the quality of comprehensive education in order to meet the requirements of fundamental and comprehensive innovation in education and training. In this paper, we investigate the theory and practice to draw the concept of the output standards of the general education program; subsequently, on that basis, building a model and the implementation process of quality assurance in general education institutions, thereby contributing to creating a breakthrough in management innovation, school administration towards prestige and brand, as well as a culture of quality in the education and training sector.

## 1. Mở đầu

Chất lượng giáo dục luôn là vấn đề được toàn xã hội quan tâm vì tầm quan trọng của nó đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, cần phát huy vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục và chú trọng phương pháp dạy học “lấy người học làm trung tâm”...; huy động sự tham gia có trách nhiệm và giám sát cao của CBQL các cấp, GV, nhân viên, người học và cộng đồng địa phương, thể hiện được mối quan hệ biện chứng của ba trụ cột phát triển giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội thông qua quy trình xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình giáo dục phổ thông; công bố công khai chất lượng giáo dục cho HS, phụ huynh, chính quyền và xã hội biết và giám sát. Trong thực tế hiện nay, hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL), kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia ở giáo dục phổ thông vẫn còn những hạn chế, thiếu sót sau đây: chất lượng giáo dục toàn diện chưa cao, không đồng đều giữa các vùng miền; mạng lưới trường lớp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi còn bất cập; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đặc biệt là nhận thức của cán bộ, GV, HS về hoạt động ĐBCL, kiểm định chất lượng giáo dục còn chưa đầy đủ; hệ thống ĐBCL giáo dục bên trong các cơ sở giáo dục chưa linh hoạt và vận hành một cách hiệu quả, thông suốt,... Vì vậy, việc xây dựng và triển khai mô hình ĐBCL giáo dục phổ thông là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Bài báo nghiên cứu vấn đề này theo trình tự sau: (1) Một số khái niệm cơ bản; (2) Đề xuất mô hình ĐBCL giáo dục phổ thông; (3) Triển khai thực hiện mô hình ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Đảm bảo chất lượng

Theo Nguyễn Đức Trí và Phan Chính Thức (2010), ĐBCL là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động; công cụ, quy trình, thủ tục, thông qua việc sử dụng chúng có thể đảm bảo rằng sứ mạng và mục tiêu được thực hiện, các chuẩn mực được duy trì và nâng cao. Ngô Phan Anh Tuấn (2013) cho rằng, ĐBCL là hoạt động nhằm minh chứng cho khách hàng về chất lượng của sản phẩm, tạo niềm tin cho khách hàng bằng sự đảm bảo các yêu cầu về chất lượng sẽ được thực hiện. ĐBCL là phòng ngừa sự xuất hiện sai sót của các bộ phận hay bán thành phẩm hoặc những thành phẩm không đủ tiêu chuẩn, đảm bảo rằng các thành phẩm không có lỗi, đạt tiêu chuẩn chất lượng đề ra bằng các quy trình và cơ chế nhất định. ĐBCL là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện. Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất ra nó, từ khâu đầu đến khâu cuối theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, đảm bảo không có sai phạm trong bất kì khâu nào. ĐBCL thực hiện chức năng quản lý thông qua các thủ tục, quy trình; phòng ngừa sai sót bằng hệ thống phát hiện và sửa lỗi. ĐBCL có sự phối hợp giữa người quản lý và người thừa hành, giữa cấp trên và cấp dưới (Phạm Lê Cường, 2016).

### 2.1.2. Đảm bảo chất lượng giáo dục

ĐBCL giáo dục là hoạt động quản lý tác nghiệp trong phạm vi nội bộ và các hoạt động phối hợp với các đối tác bên ngoài để định hướng và kiểm soát hệ thống ĐBCL đào tạo, nhằm tạo được sự tin tưởng rằng người học tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ theo mục tiêu đã đặt ra và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động (Ngô Phan Anh Tuấn, 2013). ĐBCL giáo dục là một hệ thống các biện pháp, các hoạt động có kế hoạch được tiến hành trong và ngoài nhà trường được chứng minh là đủ mức cần thiết để tạo ra sự tin tưởng thoả đáng rằng các hoạt động và sản phẩm (HS) sẽ thoả mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng giáo dục theo CĐR của chương trình giáo dục (Phạm Minh Mục, 2017).

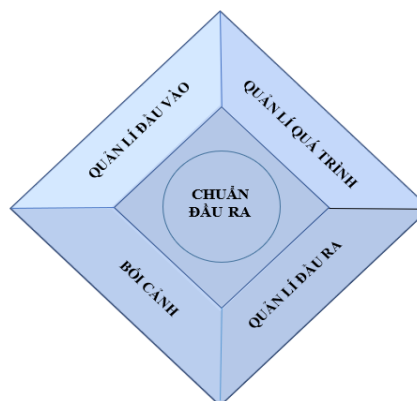
### 2.1.3. Chuẩn đầu ra chương trình giáo dục phổ thông

Trong tiếng Việt, “chuẩn” là kết quả đầu ra được mong đợi, được chọn làm mẫu, làm căn cứ để đối sánh, đo/đánh giá... “*Chuẩn hay tiêu chuẩn được hiểu là điều quy định làm căn cứ để đo lường và đánh giá*” (Thái Văn Thành và cộng sự, 2022, tr 2). Vì thế, chuẩn thường có cấu trúc đa tầng, đa lớp, đa thành tố (gồm nhiều tiêu chuẩn, tiêu chí và các chỉ báo đa mức độ để xác định rõ, cụ thể các giá trị đạt được của từng khía cạnh khi đánh giá. Theo Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê và cộng sự, 1988), chuẩn có 3 nghĩa: Chuẩn là cái được chọn làm căn cứ để đối chiếu, hướng theo đó mà làm cho đúng; Chuẩn là vật được chọn để làm mẫu để thể hiện một đơn vị đo lường; Chuẩn là cái được công nhận theo đúng quy định hoặc theo thói quen của xã hội. Như vậy, có nhiều cách hiểu khác nhau về CĐR, tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ bàn đến CĐR trong lĩnh vực GD-ĐT, cũng được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau: CĐR theo tiếp cận nội dung, CĐR theo tiếp cận mục tiêu, CĐR theo tiếp cận năng lực. Từ sự phân tích trên, có thể hiểu, CĐR của chương trình giáo dục phổ thông là yêu cầu tối thiểu về năng lực và phẩm chất mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình giáo dục, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với điều kiện đảm bảo thực hiện.

### 2.2. Mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông

Xuất phát từ lý luận ĐBCL giáo dục, CĐR chương trình giáo dục phổ thông và thực tiễn quản lý giáo dục, chúng tôi đề xuất mô hình ĐBCL giáo dục phổ thông như sau:

Trong đó: - Bối cảnh là yếu tố bên ngoài hệ thống, tác động ảnh hưởng vào tất cả các yếu tố bên trong hệ thống, tạo ra tính ổn định, cân bằng của hệ thống, thúc đẩy phát triển hoặc kìm hãm quá trình hoạt động nhằm đạt mục tiêu giáo dục. Bối cảnh bao gồm: chính trị, KT-XH; điều kiện, môi trường KT-XH của địa phương; luật pháp, chính sách; đầu tư của Nhà nước; cạnh tranh tuyển sinh; thị trường lao động, nhu cầu xã hội; sự phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số; hội nhập và hợp tác quốc tế; - Quản lý đầu vào bao gồm: Tuyển sinh; chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường; GV; HS; CBQL; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính; - Quản lý quá trình là sự biến đổi các nguồn lực đầu vào thành sản phẩm đầu ra. Đây là đối tượng của hệ thống quản lý gồm: quá trình dạy; quá trình học; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; cơ chế thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; - Quản lý đầu ra bao gồm: HS tốt nghiệp, chuyên cấp, lên lớp; sự thoả mãn của HS; thích ứng với cuộc sống; đáp ứng nhu cầu của xã hội, phụ huynh; kỹ năng toàn cầu, kỹ năng sống.



Hình 1. Mô hình ĐBCL giáo dục phổ thông  
(nguồn: nhóm tác giả)

Trong từng hoạt động ĐBCL có thể thực hiện theo quy trình dựa theo vòng tròn Deming (PDCA) như sau: - Bước 1: Lập kế hoạch (P-Plan); - Bước 2: Đưa kế hoạch đã lập vào thực hiện (D-Do); - Bước 3: Dựa theo kế hoạch đã lập để kiểm tra kết quả thực hiện (C-Check); - Bước 4: Thông qua các kết quả thu được, đề ra những tác động điều chỉnh, cải tiến thích hợp để bắt đầu lại chu trình với những thông tin đầu vào mới (A-Action) (dẫn theo Huỳnh Ngọc Thành, 2020).

#### 2.2.1. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục

##### 2.2.1.1. Phân tích yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường

a) Phân tích các yếu tố bên trong, bao gồm: - Thực trạng các hoạt động của nhà trường: Tình hình tuyển sinh của nhà trường, chất lượng đầu vào của HS; Kết quả học tập và rèn luyện của HS có đối sánh với kết quả các trường trong huyện, tỉnh; đội ngũ CBQL, GV, nhân viên về số lượng, cơ cấu, chất lượng; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài

chính; - Điểm mạnh, điểm yếu về thực trạng các hoạt động của nhà trường như thế nào; - Thách thức và quan điểm cạnh tranh của nhà trường; sự hài lòng của cha mẹ HS và sự hiểu biết về nhà trường như thế nào.

b) Phân tích các yếu tố bên ngoài, bao gồm: - Tìm hiểu chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục phổ thông, chủ trương phát triển sự nghiệp giáo dục của chính quyền địa phương,...; - Các văn bản pháp quy về giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục ở một cấp học nói riêng; - Phương pháp dạy học và đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực HS là gì?; - Hiện trạng và xu thế phát triển KT-XH, khoa học giáo dục, giáo dục phổ thông ở các nước tiên tiến và khu vực; - Đặc điểm vùng miền, địa phương,...

### 2.2.1.2. Xây dựng chuẩn đầu ra

Quy trình xác định CĐR của chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 bước như sau:

*Bước 1. Thành lập tổ soạn thảo CĐR.* Thủ trưởng thành lập tổ soạn thảo CĐR (sau đây gọi tắt là tổ soạn thảo) và chỉ định tổ trưởng. Tổ soạn thảo gồm các GV giỏi; CBQL (thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng, tổ trưởng chuyên môn); Cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp (để định hướng, dẫn dắt, hướng dẫn, giao nhiệm vụ trên toàn hệ thống giáo dục); cựu HS; ngoài ra có thể mời các chuyên gia từ các trường đại học sư phạm. Tổ soạn thảo tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CĐR.

*Bước 2. Xây dựng dự thảo CĐR.* Tổ soạn thảo nghiên cứu chương trình giáo dục hiện hành, tham khảo chuyên gia, đề xuất các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực dựa trên CĐR của chương trình giáo dục phổ thông và điều kiện cụ thể của trường, nhu cầu của phụ huynh, HS để có danh mục CĐR của trường (Dự thảo CĐR lần thứ nhất).

*Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan:* - Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan về các năng lực người học cần đạt; - Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR; - Tổ chức khảo sát thu thập thông tin: + Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát; + Tổ chức khảo sát các bên liên quan; + Xử lý số liệu khảo sát. Sản phẩm của bước này là *Phiếu khảo sát thu thập thông tin* và *Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan*.

*Bước 4. Hoàn thiện dự thảo CĐR.* Dựa vào kết quả phân tích số liệu khảo sát các bên liên quan, tổ chức hội thảo hoàn thiện dự thảo CĐR và báo cáo nhà trường. Trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo CĐR. Công bố dự thảo CĐR trên trang Web của trường để CBQL, các nhà khoa học, GV, HS, phụ huynh, cựu HS, cho ý kiến đóng góp.

*Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR.* Sau khi hoàn thiện, CĐR được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, trình hiệu trưởng phê duyệt, kí ban hành và được công bố trên website của trường.

CĐR nhằm khẳng định chất lượng, năng lực, phẩm chất của người học sau khi hoàn thành chương trình giáo dục mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục, trong đó mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.

### 2.2.2. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh

Quản lý nhà trường phổ thông (Thái Văn Thành, 2017) cần đảm bảo các yếu tố bối cảnh:

a) *Quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp* của địa phương và trong nước để phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp trong việc giáo dục phẩm chất đạo đức, luyện rèn năng lực sống, học tập và làm việc cho HS, thông qua: - Hoạt động giáo dục của địa phương; - Hoạt động trải nghiệm ở địa phương; - Thực hiện ở các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ,...; - Chào cờ, sinh hoạt đầu tuần; - Các phương tiện truyền thông, thông tin.

Xây dựng môi trường học tập đảm bảo thân thiện, an toàn, lành mạnh, đạt các tiêu chuẩn 3, tiêu chuẩn 4 và 5 trong Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT (2018a) ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học (sau đây viết tắt là Thông tư 17), Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT (2018b) ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây viết tắt là Thông tư 18).

b) *Xây dựng chương trình giáo dục phù hợp* với bối cảnh địa phương, có tính dân chủ, tính tập thể cho HS thông qua nội quy, quy chế cơ quan; quy chế thực hiện dân chủ cơ sở; quy chế phối hợp giữa Nhà trường với các tổ chức chính trị - xã hội, với ban đại diện Hội cha mẹ HS và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, của người dạy và người học.

c) *ĐBCL xây dựng văn hóa nhà trường.* Xây dựng môi trường làm việc, học tập theo hướng thân thiện, gần gũi, hiệu quả; đổi mới phân cấp mạnh mẽ, đồng thời gắn với việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho tổ

chuyên môn, cho GV trong việc ĐBCL dạy học một cách phù hợp. Xây dựng phong trào thi đua “Dạy tốt và Học tốt” trong nhà trường một cách thiết thực, hiệu quả. Phần đầu xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, góp phần xây dựng môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm: - Xây dựng hệ thống và thực hiện hiệu quả quy chế, quy định về xây dựng lối sống, nếp sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường theo Thông tư số 06/2009/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT (2019); - Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường; - Thường xuyên trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường.

d) *Sử dụng hợp lý nguồn kinh phí* hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hiệu quả. Có quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng đảm bảo tính minh bạch và dân chủ thông qua hội nghị viên chức đơn vị. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cần thiết, đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động dạy và học.

e) *Phát huy cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể* trong và ngoài nhà trường như: Công đoàn, Đoàn - Đội trường học, Hội Khuyến học... trong quản lý, giáo dục thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Hằng năm, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể xây dựng chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho GV, HS và đạt được CĐR của chương trình giáo dục nhà trường...

f) *Tôn trọng và thu hút được gia đình, cộng đồng địa phương* tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường bằng hình thức vận động sự ủng hộ về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục.

Tuyên truyền, vận động về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, thông qua: - Các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương; - Các phương tiện thông tin, truyền thông; - Các cuộc họp phụ huynh lớp, trường; các cựu HS.

### 2.2.3. Đảm bảo các yếu tố đầu vào

Xây dựng chiến lược ĐBCL giáo dục của nhà trường - chiến lược đó phải được tích hợp trong kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, đảm bảo các yếu tố cốt lõi sau: Sức mạng, tầm nhìn, hệ thống giá trị cốt lõi cụ thể dưới dạng các thông điệp ngắn gọn, xuyên suốt, có tính định hướng hoạt động nhà trường trong 5 năm, tầm nhìn đến 10 năm. Xây dựng uy tín và thương hiệu của nhà trường; Xây dựng văn hóa nhà trường, văn hóa chất lượng. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường cần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất gì để đáp ứng nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay và để phát triển lên các trình độ cao hơn trong tương lai. Mục tiêu cuối cùng là hình thành được văn hóa chất lượng trong nhà trường, hướng đến chất lượng thực của HS, hướng đến sự thành đạt của người học.

a) *ĐBCL tuyển sinh ngay từ đầu năm học*: Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm phù hợp với điều kiện nhà trường; xây dựng quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; đảm bảo dân chủ, công bằng trong tuyển sinh.

b) *ĐBCL đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhân viên*: CBQL có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm và tự trọng; có tầm nhìn, sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và tâm huyết với nghề; đạt chuẩn hiệu trưởng tối thiểu mức 2, tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 17, Thông tư 18. Xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng và cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD-ĐT. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động thực tiễn cho đội ngũ GV của nhà trường. Chú trọng tập trung nâng cao tỉ lệ GV dạy giỏi các cấp đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 17, Thông tư 18 để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Tạo điều kiện về vật chất và thời gian, tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho GV, nhân viên.

c) *Đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định*. Rà soát cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường, đồng thời huy động các nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ sở vật chất: phòng học, thư viện, nhà ăn, phòng ở, nhà vệ sinh cho HS nội trú, HS bán trú và đặc biệt chú trọng các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; đầu tư, quản lý, sử dụng, bảo quản hiệu quả trang thiết bị dạy học, đáp ứng việc dạy học nâng cao.

d) *Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường phù hợp* đối tượng HS, chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu của HS, phụ huynh. Thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt và có hiệu quả, phù hợp với các đối tượng HS và ở từng địa phương, vùng miền, từng trường.



## 2.2.4. Đảm bảo chất lượng quá trình dạy học và giáo dục

### 2.2.4.1. Đảm bảo chất lượng dạy học của giáo viên

a) Đảm bảo việc xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy: - Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học; - Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục HS; - Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp của GV; - Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, dạy học “lấy HS làm trung tâm”; - Tổ chức dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học; - Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả việc học tập của HS; - Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn của GV; - Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV.

b) ĐBCL kế hoạch bài giảng của GV, gồm có: - Lấy mục tiêu bài học làm cơ sở để GV đánh giá kết quả học tập của HS sau mỗi tiết học; - Đảm bảo chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học của GV; - Coi trọng các hoạt động dạy học được thiết kế bởi các hoạt động trải nghiệm, thực hành, kết nối, khám phá, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS.

c) ĐBCL tổ chức thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp, gồm: - Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra; - Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra; - Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học với nội dung, đối tượng HS; - GV đảm bảo là người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của HS; - Đảm bảo sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học; - Chu trình nghiên cứu tiết học đi từ hiện trạng HS từng hoạt động của tiết học; - Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học; - Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp HS tích cực tham gia học tập.

d) Đảm bảo thống nhất quản lý việc soạn bài với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm, định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Bộ GD-ĐT.

e) Tăng cường quản lý hoạt động của tổ chuyên môn: Tổ trưởng là người trực tiếp ĐBCL công tác GD-ĐT của tổ mình trong nhà trường. Các tổ, bộ môn có trách nhiệm ĐBCL trực tiếp về chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

g) Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, làm tiền đề cho việc đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại. Coi dạy - học - kiểm tra, đánh giá là một quá trình thống nhất, là ba then chốt của quá trình sư phạm.

### 2.2.4.2. Đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh

a) Đảm bảo thực hiện tốt quản lý hoạt động học tập của HS, bao gồm: - Quản lý động cơ, thái độ học tập của HS; - Quản lý phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà của HS; - Hình thành cho HS phương pháp tự học, rèn luyện kĩ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của GV; - Xây dựng nền nếp, thái độ học tập cho HS.

b) Quản lý thời gian học tập của HS: - Thời gian dạy - học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học,... thời khóa biểu; - Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

c) Đánh giá, phân tích kết quả học tập của HS đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng HS.

d) Nghiên cứu dự trù những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng HS theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng.

### 2.2.4.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

a) Thực hiện đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trên cơ sở đánh giá kết quả học tập của HS, bao gồm: - Quản lý đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng; - Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học; - Giáo dục và phát triển người học (lấy động viên làm phát triển động cơ học tập, khuyến khích tự học,...).

b) Công tác kiểm tra, đánh giá cần được đổi mới một cách cơ bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn.

c) Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS thường xuyên, liên tục, diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của HS so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của HS,...

## 2.2.5. Đảm bảo yếu tố đầu ra

### 2.2.5.1. Nhà trường thực hiện thường xuyên đánh giá và có thể sắp thứ tự giáo viên theo từng năm học

a) Chỉ đạo đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp.

b) Đánh giá chất lượng giờ dạy của GV thông qua kết quả đánh giá giờ dạy.

c) Tổ chức hội giảng trong nhà trường để đánh giá kết quả thi GV dạy giỏi.

d) Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của GV.

e) Đánh giá tiết học trên lớp (theo Phiếu đánh giá tiết học - Phiếu dự giờ), qua các lĩnh vực: Kiến thức, kỹ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học).

g) Đánh giá năng lực của GV thông qua kết quả học tập tiến bộ của HS so với kì trước, năm học trước.

**2.2.5.2. Đánh giá chất lượng học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định**

a) Sự hình thành và phát triển của HS gồm: 5 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm); 3 năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo); 7 năng lực chuyên môn (ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất). HS đáp ứng tốt yêu cầu đầu vào của lớp trên, cấp học trên.

b) Kết quả xếp loại học lực (theo quy định): Tỷ lệ xếp loại giỏi (tốt), loại khá, trung bình (đạt), yếu (chưa đạt).

c) Kết quả xếp loại hạnh kiểm (theo quy định): Tỷ lệ xếp loại tốt, khá, trung bình (đạt), yếu (chưa đạt).

d) Tỷ lệ HS lên lớp hằng năm, bỏ học, lưu ban.

e) Tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp, tỉ lệ đỗ đại học, cao đẳng.

g) Kết quả kì thi HS giỏi các cấp, các hội thi, các sân chơi trí tuệ,...

h) Kết quả thi tốt nghiệp THPT (điểm trung bình) từng môn học và trung bình chung các môn, đối sánh với các trường khác trong tỉnh và cả nước.

**2.2.5.3. Lợi ích của xã hội**

a) Mức độ hài lòng của cha mẹ HS về quá trình dạy học của nhà trường: Trong các kì họp phụ huynh toàn trường, Tổ ĐBCL nhà trường thực hiện phiếu kín khảo sát mức độ hài lòng của cha mẹ HS về quá trình dạy học của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn theo ba mức: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh tham khảo quan trọng cho tổ ĐBCL để phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

b) Mức độ hài lòng của GV tiếp nhận HS tiếp tục học lên ở lớp sau: Vào đầu năm học, nhà trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn về chất lượng HS của lớp theo ba mức độ: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao, hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng GV năm học trước.

c) Nhà trường chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm,... để HS sớm hình thành các năng lực: giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**2.2.5.4. Kết quả tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh**

a) Công tác tư vấn cho người học thi vào các cấp học chuyên tiếp hoặc tham gia vào lao động sản xuất chất lượng tốt, thông qua: hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

b) Đảm bảo việc tuyên truyền, thông báo tới HS về thông tin tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, trung học nghề, các trường chuyên,... thông qua: chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

c) Phối hợp cùng với ban tuyển sinh của các trường, tổ chức các chương trình tư vấn nghề nghiệp cho HS bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn như: Ngày hội tư vấn tuyển sinh, bộ sách cẩm nang tư vấn tuyển sinh,...

d) Liên hệ với một số công ty, doanh nghiệp để giới thiệu việc làm cho HS thông qua chính quyền các cấp, sàn giao dịch việc làm,...

**2.2.5.5. Thu thập thông tin phản hồi từ các cơ sở sử dụng học sinh tốt nghiệp của nhà trường từ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và doanh nghiệp thông tin về người học sau khi tốt nghiệp**

a) Thống kê số lượng HS sau khi tốt nghiệp đi học các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hoặc người đi làm, thông qua: GV chủ nhiệm, phương tiện thông tin,...

b) Phân tích chất lượng HS thi vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo các hoạt động chung của nhà trường cũng như hoạt động dạy học cho những năm tiếp theo.

**2.2.5.6. Sau mỗi học kì, thủ trưởng thu thập thông tin từ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên nhà trường về Bộ tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục nhà trường và báo cáo về cơ quan quản lí giáo dục cấp trên trực tiếp xem xét**

Kết thúc năm học, Ban Giám hiệu nhà trường nộp phiếu đánh giá về cơ quan quản lí giáo dục cấp trên trực tiếp để xem xét, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí.

**2.3. Triển khai thực hiện mô hình đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông**

Do khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ nêu tên các bước trong quy trình:

(1) Thành lập Tổ ĐBCL

(2) Xây dựng kế hoạch ĐBCL: a) Hệ thống ĐBCL được thể hiện dưới hình thức là một kế hoạch ĐBCL của nhà trường. Kế hoạch ĐBCL là một văn bản có cấu trúc và hình thức theo quy định; b) Nội dung cốt lõi trong từng nội

dung ĐBCL cần ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, đầy đủ và được minh chứng hồ sơ cụ thể; c) Kinh phí thực hiện. Tổ ĐBCL lập dự toán kinh phí trình hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện hiệu quả kế hoạch ĐBCL nhà trường; d) Sau khi Kế hoạch ĐBCL do tổ ĐBCL xây dựng được thủ trưởng đơn vị thông qua, thủ trưởng đơn vị phải hoàn thành trước ngày 30/9 hằng năm; e) Trường phòng GD-ĐT kí cam kết ĐBCL với Giám đốc Sở GD-ĐT, Chủ tịch UBND huyện/thành phố/thị xã trước ngày 7/10 hằng năm.

(3) Công bố công khai CDR của kế hoạch ĐBCL

(4) Vận hành kế hoạch ĐBCL

(5) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch ĐBCL: a) Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, lãnh đạo đơn vị, tổ ĐBCL nhà trường theo dõi, kiểm tra, đánh giá xem kết quả thực hiện kế hoạch ĐBCL có đạt được như mong muốn hay không; b) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch ĐBCL để ngăn chặn các khiếm khuyết, không để tái xuất hiện và tiếp tục tiến hành cải tiến.

(6) Chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác ĐBCL

(7) Hồ sơ lưu trữ mô hình ĐBCL.

### 3. Kết luận

Mô hình ĐBCL giáo dục phổ thông là cơ sở để thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục của mỗi nhà trường cũng như mỗi quốc gia. Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển các năng lực và phẩm chất người học thì phải quản lý được chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục, thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý chất lượng của mỗi nhà trường một cách đồng bộ từ đảm bảo yếu tố bối cảnh, đảm bảo yếu tố đầu vào, đảm bảo yếu tố quá trình dạy và học, đảm bảo yếu tố đầu ra, đặc biệt xác định CDR của chương trình giáo dục phổ thông. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông sẽ tạo bước đột phá trong đổi mới quản trị nhà trường, xây dựng được phong trào thi đua sôi nổi và cạnh tranh lành mạnh trong công tác tuyển sinh, xây dựng uy tín và thương hiệu các cơ sở giáo dục, hướng đến xây dựng văn hóa chất lượng trong ngành Giáo dục: học thật, thi thật, sản phẩm thật và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Năm học 2021-2022, Sở GD-ĐT Nghệ An đã triển khai thí điểm mô hình ĐBCL trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An và có hiệu quả rõ nét, điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 tỉnh Nghệ An lần đầu tiên trong lịch sử xếp vị thứ 20 của cả nước, tăng 14 bậc so với năm 2021. Đặc biệt, đây là mô hình rất hiệu quả về lợi ích kinh tế cho các tỉnh, thành vì tạo tiền đề lớn để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong giáo dục ở thành phố, đô thị lớn, những nơi có dân số cơ học tăng nhanh (Ban Chấp hành Trung ương, 2022).

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.*
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học* (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* (ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2019). *Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên* (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hoàng Phê (chủ biên, 1988). *Từ điển tiếng Việt.* NXB Khoa học xã hội.
- Huỳnh Ngọc Thành (2020). Một số biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học theo mô hình PDCA (Plan - Do - Check - Act). *Tạp chí Giáo dục*, 490, 34-39.
- Ngô Phan Anh Tuấn (2013). *Đảm bảo chất lượng đào tạo của trung tâm dạy nghề công lập vùng Đông Nam Bộ.* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Đức Trí, Phan Chính Thức (2010). *Một số vấn đề về quản lý cơ sở dạy nghề.* NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Phạm Lê Cường (2016). *Giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường/khoa đại học sư phạm.* Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Vinh.
- Phạm Minh Mục (2017). Một số giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục*, 10, 27-33.
- Thái Văn Thành (2017). *Quản lý nhà trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay.* NXB Đại học Vinh.
- Thái Văn Thành, Nguyễn Thị Nhị, Lê Thị Bình (2022). Mô hình quản lý giáo dục STEM ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 18(5), 1-7.